

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC****NỘI DUNG****TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5 - 6

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

9 - 45

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hồ Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Quốc Phi	Thành viên	
Ông Ngô Hữu Hùng	Thành viên	
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)
Ông Hà Đăng Luyện	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)
Ông Hồ Chương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)
Bà Đoàn Bích Hạnh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hồ Quốc Phi	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2017)
Ông Vũ Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2017)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Hồ Quốc Phi**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2018

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



**Hồ Huy**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
**Đại diện theo Pháp luật**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2018



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Công ty liên kết của Công ty) với số tiền là 40.488.371.419 VND và chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị của khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vì chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)**

- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh với số tiền là 279.061.522.437 VND. Ban Tổng Giám đốc chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi công nợ đối với khoản phải thu nêu trên và chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 3 năm 2018  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Tiến Quốc**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3008-2014-001-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>511.075.098.203</b>	<b>435.839.106.467</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.400.741.876</b>	<b>4.375.449.851</b>
1. Tiền	111		4.400.741.876	4.375.449.851
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>42.000.000</b>	<b>42.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		346.000.000	346.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(304.000.000)	(304.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>502.975.754.699</b>	<b>427.178.055.319</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	58.503.217.351	38.396.690.826
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.462.556.453	3.517.653.722
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	11.800.000.000	16.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	466.877.892.690	406.281.622.566
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(37.667.911.795)	(37.667.911.795)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1.313.297.483</b>	<b>870.505.567</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.452.871.620	1.010.079.704
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(139.574.137)	(139.574.137)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.343.304.145</b>	<b>3.373.095.730</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.339.651.744	2.923.095.731
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.652.401	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	-	449.999.999
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>655.797.253.729</b>	<b>766.003.528.489</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>52.396.368.086</b>	<b>51.409.326.400</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	48.215.000.000	48.215.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	4.181.368.086	3.194.326.400
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>184.313.515.647</b>	<b>229.361.573.219</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	163.978.812.816	211.922.340.161
- Nguyên giá	222		408.022.190.159	488.329.011.399
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(244.043.377.343)	(276.406.671.238)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	20.334.702.831	17.439.233.058
- Nguyên giá	225		25.707.030.894	18.718.318.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.372.328.063)	(1.279.085.112)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		78.897.000	78.897.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.897.000)	(78.897.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>170.502.084.047</b>	<b>174.515.456.871</b>
- Nguyên giá	231		198.313.019.200	198.313.019.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.810.935.153)	(23.797.562.329)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>232.711.599.803</b>	<b>292.164.337.029</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5, 15	192.279.971.222	235.106.708.448
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5, 16	79.000.000.000	79.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	1.920.000.000	18.546.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(40.488.371.419)	(40.488.371.419)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.873.686.146</b>	<b>18.552.834.970</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	15.873.686.146	18.552.834.970
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.166.872.351.932</b>	<b>1.201.842.634.956</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>623.617.711.051</b>	<b>661.700.129.805</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>391.231.978.623</b>	<b>355.030.405.555</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	30.350.989.678	10.865.031.786
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.279.858.399	1.196.747.887
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	9.199.610.734	7.793.682.633
4. Phải trả người lao động	314		6.391.730.669	6.027.651.482
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	6.397.078.749	6.218.683.643
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		834.074.408	382.314.559
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	163.997.391.330	148.329.225.966
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	168.297.431.735	169.602.275.702
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.483.812.921	4.614.791.897
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>232.385.732.428</b>	<b>306.669.724.250</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	185.853.428.907	215.087.665.795
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	46.532.303.521	91.582.058.455
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>543.254.640.881</b>	<b>540.142.505.151</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>543.254.640.881</b>	<b>540.142.505.151</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.253.320.000	486.253.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		486.253.320.000	486.253.320.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.705.765.241	28.214.045.652
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.895.555.640	38.275.139.499
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		926.829.322	14.933.877.487
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		32.968.726.318	23.341.262.012
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.166.872.351.932</b>	<b>1.201.842.634.956</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Hương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Trường Anh  
Kế toán trưởng

  
Hồ Quốc Phi  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 02-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	361.906.939.615	396.736.034.700
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		361.906.939.615	396.736.034.700
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	311.561.929.628	354.926.164.979
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		50.345.009.987	41.809.869.721
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	33.537.702.890	33.274.842.919
6. Chi phí tài chính	22	29	27.953.432.349	24.631.460.002
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.745.695.123	24.631.460.002
7. Chi phí bán hàng	25	30	22.563.174.256	7.959.935.556
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	37.663.965.738	34.850.075.130
9. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(4.297.859.466)	7.643.241.952
10. Thu nhập khác	31	32	44.330.555.684	22.260.405.417
11. Chi phí khác	32	33	5.790.990.328	6.562.385.357
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		38.539.565.356	15.698.020.060
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.241.705.890	23.341.262.012
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	1.272.979.572	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		32.968.726.318	23.341.262.012

  
Nguyễn Thị Thanh Hương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Trường Anh  
Kế toán trưởng

  
Hồ Quốc Phi  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 03-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>34.241.705.890</b>	<b>23.341.262.012</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	71.535.528.920	82.958.169.731
Các khoản dự phòng	03	-	139.574.137
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(64.499.424.506)	(43.320.839.727)
Chi phí lãi vay	06	24.745.695.123	24.631.460.002
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>66.023.505.427</b>	<b>87.749.626.155</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	5.156.215.533	14.038.478.339
Thay đổi hàng tồn kho	10	(442.791.916)	416.053.604
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.769.380.964)	(71.623.941.202)
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.262.592.811	5.617.177.605
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.164.531.509)	(26.027.381.163)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(2.379.373.388)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.568.370.364)	(1.195.304.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>44.497.239.018</b>	<b>6.595.335.950</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(25.533.776.018)	(53.674.921.274)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	44.630.357.401	28.107.978.286
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.850.000.000	21.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(40.200.000.000)
5. Tiền thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	2.575.585.549	6.065.798.983
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>26.522.166.932</b>	<b>(38.701.144.005)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	30.996.124.928	236.844.059.584
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(80.470.736.537)	(190.145.098.509)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.868.700.016)	(8.674.166.642)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.650.802.300)	(9.964.057.592)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(70.994.113.925)</b>	<b>28.060.736.841</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>25.292.025</b>	<b>(4.045.071.214)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.375.449.851</b>	<b>8.420.521.065</b>
<b>Tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>4.400.741.876</b>	<b>4.375.449.851</b>

Nguyễn Thị Thanh Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Trường Anh  
Kế toán trưởng



Hồ Quốc Phi  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000336 ngày 14 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014 là 486.253.320.000 VND.

Chủ sở hữu của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.246 (31 tháng 12 năm 2016: 1.442).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Giáo dục khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn, chuyên doanh khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

- Theo Quyết định số 08/2017/QĐ-HĐQT.MLMB ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An cho ông Hồ Huy, ông Hồ Chương và ông Hồ Đình Việt với tổng giá trị chuyển nhượng là 30.530.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã hạch toán giảm khoản đầu tư vào công ty con tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An tại ngày 12 tháng 4 năm 2017.
- Theo Nghị quyết số 149/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long, Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long thực hiện tách Công ty để thành lập công ty mới là Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh. Theo đó, Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh sẽ tiếp nhận toàn bộ tài sản, xe ô tô, công cụ, dụng cụ và công nợ (trừ mảnh đất tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) từ Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long. Đồng thời, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc sẽ sở hữu 112.000 cổ phần (tương ứng 74,67%) tại Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh và 0 cổ phần (tương ứng 0%) tại Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long. Theo đó, Công ty đã hạch toán giảm khoản đầu tư vào công ty con tại Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long và ghi nhận tăng thêm khoản đầu tư vào công ty con tại Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh từ ngày 20 tháng 9 năm 2017.
- Theo Quyết định số 151/2017/QĐ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã chuyển nhượng một phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa cho ông Hồ Huy, ông Hồ Hữu Thiết, bà Hồ Thị Đoan và ông Hồ Trang với tổng giá trị chuyển nhượng là 7.253.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa sẽ giảm từ 95,9% xuống 70% kể từ ngày này.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các chi nhánh trực thuộc Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc tại số 192 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	36,37%	Dịch vụ taxi



Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<b>STT</b>	<b>Công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Hoạt động chính</b>
1	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	100%	Dịch vụ taxi
2	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Dịch vụ taxi
3	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Dịch vụ taxi
4	Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh	75%	75%	Dịch vụ taxi
5	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
6	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ taxi
7	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Dịch vụ taxi
8	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
9	Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
10	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
11	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Dịch vụ taxi
12	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
13	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	87%	Dịch vụ taxi
14	Công ty Cổ phần Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	70%	70%	Dịch vụ taxi
15	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	100%	Dịch vụ taxi
16	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	100%	Dịch vụ taxi

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty để có được các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:



	<b>Năm nay</b> (Số năm)
	05
Nhà cửa và vật kiến trúc	03 - 05
Máy móc và thiết bị	06 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 09
Xe hợp tác kinh doanh	03 - 05
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Khác	03 - 05

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

	<b>Năm nay</b> (Số năm)
Phương tiện vận tải	06 - 09

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính từ 03 - 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh và lô đất tại phường An Lạc, quận Tân Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí thuê nhãn hiệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí bảo hiểm và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh trong 15 năm với tổng số tiền 51.636.363.636 VND. Chi phí thuê nhãn hiệu trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trên thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.



**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời điểm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	24.523.680	94.158.831
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.376.218.196	4.281.291.020
	<b>4.400.741.876</b>	<b>4.375.449.851</b>



5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

b1. Đầu tư vào công ty con

Công ty Cổ phần Mai Linh Thanh Hóa (i)  
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức  
Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh (iii)  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc  
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An (ii)  
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long (iii)

b2. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ  
và Tây Nguyên (\*)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
	192.279.971.222	-	235.106.708.448	-
	28.272.262.774	-	38.733.000.000	-
	25.463.000.000	-	25.463.000.000	-
	20.028.413.448	-	-	-
	17.116.295.000	-	17.116.295.000	-
	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
	11.100.000.000	-	11.100.000.000	-
	10.400.000.000	-	10.400.000.000	-
	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
	6.800.000.000	-	6.800.000.000	-
	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	-	-	32.366.000.000	-
	-	-	20.028.413.448	-
	79.000.000.000	(40.488.371.419)	79.000.000.000	(40.488.371.419)
	79.000.000.000	(40.488.371.419)	79.000.000.000	(40.488.371.419)





**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(\*) Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên dựa trên báo cáo tài chính riêng chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với số tiền là 40.488.371.419 VND.

Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần trích lập dự phòng bổ sung nếu có cho khoản đầu tư nêu trên.

(\*\*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, Công ty chưa xác định được có cần thiết phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư nêu trên hay không.

(i) Theo Quyết định số 151/2017/QĐ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã chuyển nhượng một phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa cho ông Hồ Huy, ông Hồ Hữu Thiệt, bà Hồ Thị Doan và ông Hồ Trang với tổng giá trị chuyển nhượng là 7.253.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa sẽ giảm từ 95,9% xuống 70% kể từ ngày này.

(ii) Theo Nghị quyết số 149/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long, Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long thực hiện tách Công ty để thành lập công ty mới là Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh. Theo đó, Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh sẽ tiếp nhận toàn bộ tài sản, xe ô tô, công cụ, dụng cụ và công nợ (trừ mảnh đất tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) từ Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long. Đồng thời, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc sẽ sở hữu 112.000 cổ phần (tương ứng 74,67%) tại Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh và 0 cổ phần (tương ứng 0%) tại Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long. Theo đó, Công ty đã hạch toán giảm khoản đầu tư vào công ty con tại Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long và ghi nhận tăng thêm khoản đầu tư vào công ty con tại Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh từ ngày 20 tháng 9 năm 2017.

(iii) Theo Quyết định số 08/2017/QĐ-HĐQT.MLMB ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An cho ông Hồ Huy, ông Hồ Chương và ông Hồ Đình Việt với tổng giá trị chuyển nhượng là 30.530.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã hạch toán giảm khoản đầu tư vào công ty con tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An tại ngày 12 tháng 4 năm 2017.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con, công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 36 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị nhận đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán làm cơ sở đánh giá nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	12.345.964.063	136.782.427
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland	2.803.811.513	2.803.811.513
Các khách hàng khác	43.353.441.775	35.456.096.886
	<b>58.503.217.351</b>	<b>38.396.690.826</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Các khoản phải thu các khách hàng là các bên liên quan</b> (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36)	<b>20.643.706.452</b>	<b>136.782.427</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	150.000.000	5.000.000.000
	<b>11.800.000.000</b>	<b>16.650.000.000</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
	<b>48.215.000.000</b>	<b>48.215.000.000</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Các khoản phải thu về cho vay các bên liên quan</b> (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36)	<b>60.015.000.000</b>	<b>64.865.000.000</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Phải thu các công ty con (i)	30.926.273.152	12.714.573.840
- Phải thu các đơn vị trong cùng Tập đoàn Mai Linh (i)	352.073.226.758	379.892.148.701
- Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh (ii)	12.865.332.763	5.860.481.451
- Ông Hồ Chương (iii)	40.800.000.000	-
- Ông Hồ Huy (iii)	7.493.000.000	-
- Ông Hồ Đình Việt (iii)	3.200.000.000	-
- Phải thu người lao động	1.651.719.123	2.086.711.054
- Tạm ứng	854.965.601	1.323.027.528
- Phải thu khác	17.013.375.293	4.404.679.992
	<b>466.877.892.690</b>	<b>406.281.622.566</b>



	<b>Số cuối năm</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu năm</b> <b>VND</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Ký cược, ký quỹ	4.181.368.086	3.194.326.400
	<b>4.181.368.086</b>	<b>3.194.326.400</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Các khoản phải thu khác các bên liên quan</b> (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36)	<b>423.180.939.024</b>	<b>388.719.872.551</b>

- (i) Số phải thu các công ty con và các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh chủ yếu liên quan đến nghiệp vụ Công ty nhờ thu hộ tiền thẻ taxi MCC và các nghiệp vụ mua bán tài sản cố định, vật tư, sửa chữa...
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi công nợ đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh với số tiền là 279.061.522.437 VND. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần trích lập dự phòng cho khoản phải thu này (nếu có).
- (ii) Phản ánh số tiền phải thu chủ đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến số tiền chưa thanh toán và phải thu hàng tháng.
- (iii) Phản ánh số tiền phải thu về việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An, Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô.

## 9. NỢ XẤU

	<b>Số cuối năm</b> <b>VND</b>		<b>Số đầu năm</b> <b>VND</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>
<b>Các khoản phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi theo đối tượng</b>				
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.439.108.556	563.559.147	21.445.308.556	569.759.147
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	563.559.147	563.559.147	569.759.147	569.759.147
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	20.875.549.409	-	20.875.549.409	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	10.652.024.788	1.117.878.479	10.637.024.788	1.102.878.479
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	1.117.878.479	1.117.878.479	1.102.878.479	1.102.878.479
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	9.534.146.309	-	9.534.146.309	-
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	-	4.983.833.034	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	4.983.833.034	-	4.983.833.034	-
Đối tượng khác	2.290.270.962	15.887.919	2.299.070.962	24.687.919
	<b>39.365.237.340</b>	<b>1.697.325.545</b>	<b>39.365.237.340</b>	<b>1.697.325.545</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu căn cứ theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị dự phòng.

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.243.962.584	(139.574.137)	972.079.756	(139.574.137)
Hàng hoá	208.909.036	-	37.999.948	-
	<b>1.452.871.620</b>	<b>(139.574.137)</b>	<b>1.010.079.704</b>	<b>(139.574.137)</b>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm rủi ro tài sản	1.139.780.191	2.058.000.638
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.199.871.553	865.095.093
	<b>2.339.651.744</b>	<b>2.923.095.731</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí thuê nhãn hiệu	13.614.009.314	16.934.848.482
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	92.669.803	236.000.013
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.167.007.029	1.381.986.475
	<b>15.873.686.146</b>	<b>18.552.834.970</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**12. TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Xe hợp tác kinh doanh	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư đầu năm	370.000.000	331.030.070	188.246.979.050	297.705.018.103	1.600.984.176	75.000.000	488.329.011.399
Mua sắm mới	-	-	25.451.926.018	-	81.850.000	-	25.533.776.018
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(49.829.873.571)	49.829.873.571	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.628.430.034)	(100.212.167.224)	-	-	(105.840.597.258)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>370.000.000</b>	<b>331.030.070</b>	<b>158.240.601.463</b>	<b>247.322.724.450</b>	<b>1.682.834.176</b>	<b>75.000.000</b>	<b>408.022.190.159</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư đầu năm	292.083.338	331.030.070	53.494.799.711	220.633.402.882	1.580.355.237	75.000.000	276.406.671.238
Trích khấu hao trong năm	27.502.032	-	35.811.837.687	27.566.216.154	23.357.272	-	63.428.913.145
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(15.181.186.801)	15.181.186.801	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.413.522.906)	(91.378.684.134)	-	-	(95.792.207.040)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>319.585.370</b>	<b>331.030.070</b>	<b>69.711.927.691</b>	<b>172.002.121.703</b>	<b>1.603.712.509</b>	<b>75.000.000</b>	<b>244.043.377.343</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày đầu năm	77.916.662	-	134.752.179.339	77.071.615.221	20.628.939	-	211.922.340.161
Tại ngày cuối năm	50.414.630	-	88.528.673.772	75.320.602.747	79.121.667	-	163.978.812.816

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thể chấp phương tiện vận tải và xe hợp tác kinh doanh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 117.741.516.751 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 241.575.969.157 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 67.501.115.398 VND (31 tháng 12 năm 2016: 22.211.240.461 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	18.718.318.170	18.718.318.170
Thuê tài chính trong năm	6.988.712.724	6.988.712.724
Số dư cuối năm	25.707.030.894	25.707.030.894
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	1.279.085.112	1.279.085.112
Trích khấu hao trong năm	4.093.242.951	4.093.242.951
Số dư cuối năm	5.372.328.063	5.372.328.063
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	17.439.233.058	17.439.233.058
Tại ngày cuối năm	20.334.702.831	20.334.702.831

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà xưởng và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	198.313.019.200	198.313.019.200
Số dư cuối năm	198.313.019.200	198.313.019.200
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	23.797.562.329	23.797.562.329
Khấu hao trong năm	4.013.372.824	4.013.372.824
Số dư cuối năm	27.810.935.153	27.810.935.153
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	174.515.456.871	174.515.456.871
Tại ngày cuối năm	170.502.084.047	170.502.084.047

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 170.502.084.047 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 174.515.456.871 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.



**Danh mục chi tiết bất động sản đầu tư**

	<b>Giá trị còn lại</b>	
	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	55.682.951.491	56.977.904.875
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại phường An Lạc, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	114.819.132.556	117.537.551.996
	<b>170.502.084.047</b>	<b>174.515.456.871</b>

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<b>STT</b>	<b>Công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Hoạt động chính</b>
1	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	100%	Dịch vụ taxi
2	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Dịch vụ taxi
3	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Dịch vụ taxi
4	Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh	75%	75%	Dịch vụ taxi
5	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
6	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ taxi
7	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Dịch vụ taxi
8	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
9	Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
10	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
11	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Dịch vụ taxi
12	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
13	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	87%	Dịch vụ taxi
14	Công ty Cổ phần Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	70%	70%	Dịch vụ taxi
15	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	100%	Dịch vụ taxi
16	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	100%	Dịch vụ taxi

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

<b>STT</b>	<b>Công ty liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Hoạt động chính</b>
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	36,37%	Dịch vụ taxi

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	10.894.125.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ số Toàn Cầu	4.193.297.400	2.345.012.900
Khác	15.263.566.878	8.520.018.886
	<b>30.350.989.678</b>	<b>10.865.031.786</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36)</b>	<b>13.720.803.523</b>	<b>2.427.272.730</b>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	449.999.999	449.999.999	-	-
	<b>449.999.999</b>	<b>449.999.999</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	7.270.256.153	50.224.370.118	50.160.653.759	7.333.972.512
- Thuế GTGT đầu ra	7.270.256.153	50.224.370.118	50.160.653.759	7.333.972.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	822.979.573	-	822.979.573
Các loại thuế khác	523.426.480	2.298.109.264	1.778.877.095	1.042.658.649
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	523.426.480	2.295.109.264	1.775.877.095	1.042.658.649
	<b>7.793.682.633</b>	<b>53.345.458.955</b>	<b>51.939.530.854</b>	<b>9.199.610.734</b>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	4.849.100.679	3.267.937.065
Trích trước chi phí tiền lương	1.547.978.070	2.819.147.842
Các khoản khác	-	131.598.736
	<b>6.397.078.749</b>	<b>6.218.683.643</b>



**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải trả các công ty con	58.715.212.668	54.038.186.899
Phải trả Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	6.085.684.033	7.488.547.779
Phải trả các đơn vị khác trong Tập đoàn	5.625.487.149	2.685.594.133
Các khoản thu chi hộ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.050.047.394	30.324.358.544
Phải trả cổ tức	19.496.062.415	8.727.665.515
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	13.504.267.768	17.944.093.070
Phải trả khác cán bộ, nhân viên	182.008.558	259.464.593
Phải trả thẻ MCC	7.889.517.263	6.212.106.234
Nhà thầu cung cấp cho Công ty Cổ phần TeLin Vạn Hương	1.794.802.854	1.794.802.854
Bảo hiểm xã hội, y tế	5.038.278.855	1.719.263.705
Khác	14.616.022.373	17.135.142.640
	<b>163.997.391.330</b>	<b>148.329.225.966</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Góp vốn xe hợp tác kinh doanh (i)	160.286.107.319	192.413.157.168
Khách hàng đặt cọc mở thẻ MCC, thuê xe	13.795.603.995	12.192.860.382
Đặt cọc của lái xe	11.771.717.593	10.481.648.245
	<b>185.853.428.907</b>	<b>215.087.665.795</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Các khoản phải trả khác các bên liên quan</b> (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36)	<b>60.827.225.083</b>	<b>65.763.070.008</b>

- (i) Phản ánh số tiền nhận góp vốn dài hạn từ bên tham gia hợp tác kinh doanh để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi trên xe hợp tác kinh doanh. Số tiền này sẽ được trừ dần với phí sử dụng tài sản theo quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH MIỀN BẮC  
THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	Số đầu năm VND		Phát sinh trong năm VND		Số cuối năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - cá nhân (i)	11.527.000.594	11.527.000.594	9.059.295.890	7.210.000.000	13.376.296.484	13.376.296.484
Vay ngắn hạn - ngân hàng	1.350.000.000	1.350.000.000	-	1.350.000.000	-	-
Vay ngắn hạn - Công ty con (ii)	67.018.000.000	67.018.000.000	15.404.086.516	2.000.000.000	80.422.086.516	80.422.086.516
Vay dài hạn cá nhân đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	42.439.031.108	42.439.031.108	19.521.280.522	19.468.168.094	42.492.143.536	42.492.143.536
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	44.327.044.000	44.327.044.000	29.214.605.199	44.408.744.000	29.132.905.199	29.132.905.199
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	2.941.200.000	2.941.200.000	3.556.400.000	3.623.600.000	2.874.000.000	2.874.000.000
	<b>169.602.275.702</b>	<b>169.602.275.702</b>	<b>76.755.668.127</b>	<b>78.060.512.094</b>	<b>168.297.431.735</b>	<b>168.297.431.735</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 0,66% đến 1,08%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0,62%/tháng đến 1,083%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản vay các đơn vị thành viên có thời hạn dưới 12 tháng hoặc không kỳ hạn, lãi suất từ 0,2% đến 0,83%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0,2%/tháng đến 0,83%/tháng), không có tài sản đảm bảo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỀN BẮC  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng (i)	98.259.830.843	98.298.562.390	4.013.500.002	45.305.478.636	56.967.852.209	56.967.852.209
Vay dài hạn cá nhân (ii)	69.549.902.720	69.549.902.720	3.426.403.228	24.605.257.901	48.371.048.047	48.371.048.047
Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	13.479.600.000	13.479.600.000	6.081.552.016	3.868.700.016	15.692.452.000	15.692.452.000
<b>Cộng</b>	<b>181.289.333.563</b>	<b>181.328.065.110</b>	<b>13.521.455.246</b>	<b>73.779.436.553</b>	<b>121.031.352.256</b>	<b>121.031.352.256</b>

**Trong đó:**

Số phải trả trong vòng 12 tháng  
(xem Thuyết minh số 21)

Số phải trả sau 12 tháng

74.499.048.735

46.532.303.521

(i) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (a)	31.526.260.522	54.553.124.522
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (b)	9.250.500.000	15.897.733.321
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 (c)	4.287.076.681	8.732.338.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (d)	5.061.000.006	6.748.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (e)	2.095.615.000	3.352.835.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Tây Hà Nội (f)	2.752.900.000	1.220.800.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Kinh Đô (g)	1.994.500.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh	-	7.755.000.000
	<b>56.967.852.209</b>	<b>98.259.830.843</b>

Các khoản vay ngân hàng cho mục đích mua tài sản cố định và được thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay. Cụ thể các khoản vay trọng yếu như sau:

(a) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm như sau:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/13148 ngày 19 tháng 11 năm 2013 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 12.500.000.000 VND để đầu tư 25 xe Toyota Innova. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.570.007.565 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.698.686.667 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.364.000.000 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.148.000.000 VND và 9,5%/năm).
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/14111 ngày 30 tháng 6 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 5.175.000.000 VND để đầu tư 20 xe ô tô Hyundai. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.804.727.483 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.087.849.247 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 681.000.000 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.965.000.000 VND và 9,5%/năm).
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/14119 và các phụ lục từ ngày 25 tháng 7 năm 2014 có thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với tổng hạn mức là 20.000.000.000 VND để đầu tư 80 xe ô tô Hyundai. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 12.564.342.299 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17.298.160.624 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 3.116.956.522 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.396.956.522 VND và 9,5%/năm).



- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTĐ/15156 ngày 30 tháng 10 năm 2015 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 63.413.000.000 VND để đầu tư 80 xe ô tô Toyota Vios, 50 xe ô tô Toyota Innova, 50 xe ô tô Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 45.484.369.787 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 56.904.224.986 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 26.364.304.000 VND và chịu lãi suất 9,0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 36.965.168.000 VND và 9,5%/năm).
- (b) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng như sau:
  - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2014/HĐTĐTH ngày 15 tháng 01 năm 2014 có thời hạn 04 năm 03 tháng với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Nissan Sunny hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.375.811.428 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.068.731.718 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 676.000.000 VND và chịu lãi suất 10,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.260.000.000 VND và 11,9%/năm).
  - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2015/231/HĐTĐ ngày 11 tháng 02 năm 2015 có thời hạn 51 tháng với tổng hạn mức là 4.830.000.000 VND để đầu tư 20 xe Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 100.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 20 xe Hyundai Grand i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.550.363.600 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.733.818.187 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.630.000.000 VND và chịu lãi suất 10,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.830.000.000 VND và 10,9%/năm).
  - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 02/2015/231/HĐTĐ ngày 29 tháng 9 năm 2015 có thời hạn 51 tháng với tổng hạn mức là 27.000.000.000 VND để đầu tư 50 xe Toyota Vios và 40 xe Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 300.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Toyota Vios và 40 xe Kia Morning hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 13.436.514.180 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16.999.229.302 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 6.944.500.000 VND và chịu lãi suất 10,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.544.500.000 VND và 10,9%/năm).



- (c) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng số 01/2014/231/HĐTDTH ngày 10 tháng 12 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 16.905.000.000 VND để đầu tư 70 xe Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 16 kỳ vào ngày 25 của tháng 3,6,9,12 hàng năm, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 cộng biên độ 3,5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 70 xe Hyundai Grand i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 11.567.762.352 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16.109.775.017 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 4.287.076.681 VND và chịu lãi suất 10,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.732.338.000 VND và 10,3%/năm).
- (d) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng 20.06.16/HĐTD/NHN ngày 29 tháng 6 năm 2016 có thời hạn giải ngân 6 tháng kể từ ngày hợp đồng với tổng hạn mức cho vay là 10.000.000.000 VND để thanh toán tiền mua xe ô tô kinh doanh, phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn khế ước nhận nợ là 54 tháng đối với xe Hyundai Grand i10, Toyota Vios, Nissan Sunny, Toyota Innova và thời hạn khế ước 48 tháng đối với xe Kia Morning với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 8.261.736.375 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.132.318.178 VND) (xem Thuyết minh số 12). Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Tiên Phong và được trả lãi hàng tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 5.061.000.006 VND và chịu lãi suất 9,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.748.000.000 VND và 9,3%/năm).
- (e) Các khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201301132 ngày 30 tháng 10 năm 2015 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức là 2.478.000.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Mercedes S400. Khoản vay này sẽ được trả tại ngày 25 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ lãi suất 3,5% và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô Mercedes S400 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.851.139.242 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.217.967.273 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.470.000.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.974.000.000 VND và 10%/năm).
  - Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201300669 ngày 10 tháng 8 năm 2015 có thời hạn 43 tháng với tổng hạn mức là 871.500.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Hyundai 29 chỗ. Khoản vay này sẽ được trả tại ngày 25 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ lãi suất 3% và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe Hyundai 29 chỗ hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 807.292.897 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 951.882.671 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 324.291.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 567.495.000 VND và 9,5%/năm).



- Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201600031 ngày 18 tháng 01 năm 2016 có thời hạn 43 tháng với tổng hạn mức là 632.800.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Ford Transit. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được trả hàng tháng, thời gian ân hạn 01 tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô Ford Transit hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 559.932.119 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 699.915.152 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 301.324.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 482.130.000 VND và 10%/năm).
- (f) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Tây Hà Nội như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) theo Hợp đồng số 32/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.111704 ngày 28 tháng 12 năm 2017 có thời hạn 60 tháng với số tiền cho vay là 1.837.500.000 VND để đầu tư mua 02 xe Hyundai County 29 chỗ theo Hợp đồng mua bán xe số 056/HĐMBML-2017 ngày 27 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này sẽ được trả nợ và gốc đều hàng tháng. Khoản vay chịu lãi suất 8,49% cố định trong 12 tháng đầu tiên và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ tháng thứ 13 sau giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cao nhất đối với khách hàng cá nhân của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ cho vay tối thiểu 4,5%. Tài sản đảm bảo là 02 xe Hyundai County 29 chỗ, sản xuất năm 2017, màu vàng đồng, thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.249.174.244 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.837.500.000 VND và chịu lãi suất 8,49%/năm.
  - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng 08/2016/HĐTDTDH-TC/SHB.111704 ngày 26 tháng 12 năm 2016 có thời hạn 48 tháng để thanh toán tiền mua 02 xe ô tô Ford Transit 16 chỗ. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.328.396.920 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.621.094.546 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 915.400.000 VND và chịu lãi suất 11,35%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.220.800.000 VND và 10%/năm).
- (g) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- Chi nhánh Kinh Đô theo Hợp đồng số 010917-1207-01-SME ngày 17 tháng 09 năm 2017 có thời hạn 36 tháng với số tiền cho vay là 2.176.000.000 VND để thanh toán tiền mua 10 xe ô tô nhãn hiệu Nissan Sunny XL theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 13/2017/HĐMLG-MLMB ngày 17 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc. Khoản vay này sẽ được trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15. Khoản vay chịu lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,85%/năm và được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 36 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng (+) biên độ 2,35%/năm. Tài sản đảm bảo là 10 xe ô tô con Nissan Sunny màu xanh có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.329.946.260 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.994.500.000 VND và chịu lãi suất 9,85%/năm



Các khoản vay dài hạn ngân hàng được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>		
Trong vòng một năm	29.132.905.199	44.327.044.000
Trong năm thứ hai	17.759.970.996	29.164.027.835
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.074.976.014	24.768.759.008
	<b>56.967.852.209</b>	<b>98.259.830.843</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 21)	29.132.905.199	44.327.044.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>27.834.947.010</b>	<b>53.932.786.843</b>

- (ii) Các khoản vay cá nhân có thời hạn từ 15 đến 24 tháng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lãi suất từ 0,75%/tháng đến 0,83%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0,7%/tháng đến 0,84%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn cá nhân được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Nợ dài hạn khác</b>		
Trong vòng một năm	42.492.143.536	42.439.031.108
Trong năm thứ hai	5.878.904.511	27.110.871.612
	<b>48.371.048.047</b>	<b>69.549.902.720</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 21)	42.492.143.536	42.439.031.108
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.878.904.511</b>	<b>27.110.871.612</b>

- (iii) Thông tin chi tiết các khoản nợ dài hạn thuê tài chính của Công ty như sau:

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Nợ dài hạn thuê tài chính</b>		
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a)	15.692.452.000	13.479.600.000
	<b>15.692.452.000</b>	<b>13.479.600.000</b>

- (a) Các khoản nợ thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam như sau:

- Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01.014/2017/TSC-CTTC từ ngày 06 tháng 3 năm 2017 đến ngày 06 tháng 3 năm 2021 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức 7.738.020.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất huy động vốn đối với cá nhân của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản nợ dài hạn thuê tài chính này có dư nợ gốc vay là 5.154.052.000 VND và chịu lãi suất 10,5%/năm.



- Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01.035/2016/TSC-CTTC từ ngày 24 tháng 6 năm 2016 đến ngày 24 tháng 6 năm 2021 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 20.265.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất cho thuê cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản nợ dài hạn thuê tài chính này có dư nợ gốc vay là 10.538.400.000 VND và chịu lãi suất 10,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 13.479.600.000 VND và 11%/năm).

Các khoản nợ dài hạn thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</b>	
	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Trong vòng một năm	2.874.000.000	2.941.200.000
Trong năm thứ hai	4.531.200.000	2.941.200.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	8.287.252.000	7.597.200.000
	<b>15.692.452.000</b>	<b>13.479.600.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 21)	2.874.000.000	2.941.200.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>12.818.452.000</b>	<b>10.538.400.000</b>

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>486.253.320.000</b>	<b>(12.600.000.000)</b>	<b>28.214.045.652</b>	<b>40.236.243.487</b>	<b>542.103.609.139</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.341.262.012	23.341.262.012
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.619.700.000)	(1.619.700.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(23.682.666.000)	(23.682.666.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>486.253.320.000</b>	<b>(12.600.000.000)</b>	<b>28.214.045.652</b>	<b>38.275.139.499</b>	<b>540.142.505.151</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	32.968.726.318	32.968.726.318
Trích quỹ (i)	-	-	7.491.719.589	(8.929.110.977)	(1.437.391.388)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(28.419.199.200)	(28.419.199.200)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>486.253.320.000</b>	<b>(12.600.000.000)</b>	<b>35.705.765.241</b>	<b>33.895.555.640</b>	<b>543.254.640.881</b>

- (i) Trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2017 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty.



	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	48.625.332
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	1.260.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	47.365.332
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 486.253.320.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2014. Tổng số lượng cổ phiếu dự định phát hành là 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 686.253.320.000 VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	203	100
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nợ khó đòi đã xử lý (i)	211.850.533	211.850.533
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Nhôm Yeh Young Việt Nam	112.077.820	112.077.820
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	69.511.470	69.511.470
Ông Tô Thường	29.712.000	29.712.000
Ông Võ Tuấn Dũng	549.243	549.243
	<b>211.850.533</b>	<b>211.850.533</b>

- (i) Các khoản nợ khó đòi đã xử lý theo phê duyệt của Ban Tổng Giám đốc do không có thông tin liên lạc của các đối tượng nêu trên.

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	320.638.977.051	304.541.755.928
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	7.850.174.165	8.328.394.755
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	2.603.493.561	3.078.997.606
Doanh thu nhượng bán tài sản, vật tư	19.070.778.636	49.824.373.781
Doanh thu cho thuê tài sản	90.880.952	2.660.627.198
Doanh thu dịch vụ khác	11.652.635.250	28.301.885.432
	<b>361.906.939.615</b>	<b>396.736.034.700</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan</b> (Giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36)	<b>141.224.591.550</b>	<b>231.360.667.025</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí dịch vụ taxi	284.095.402.424	285.140.854.509
Chi phí dịch vụ xe cho thuê	7.641.722.061	8.486.884.405
Chi phí dịch vụ sửa chữa	2.217.078.776	1.344.637.831
Chi phí nhượng bán tài sản, vật tư	17.346.795.759	48.059.831.531
Chi phí cho thuê tài sản	225.874.008	1.050.283.645
Chi phí dịch vụ khác	35.056.600	10.843.673.058
	<b>311.561.929.628</b>	<b>354.926.164.979</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.363.738.726	66.938.081.294
Chi phí nhân công	143.032.209.282	152.094.137.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.522.156.096	78.991.909.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.768.969.294	37.075.487.800
Chi phí khác bằng tiền	16.101.996.224	14.437.166.105
Chi phí dự phòng	-	139.562.275
	<b>371.789.069.622</b>	<b>349.676.344.134</b>



**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.575.585.549	6.065.798.983
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.775.609.000	27.146.147.000
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	1.774.000.000	-
Khác	412.508.341	62.896.936
	<b>33.537.702.890</b>	<b>33.274.842.919</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	23.400.205.105	23.736.824.405
Lãi thuê tài chính	1.345.490.018	894.635.597
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	3.207.737.226	-
	<b>27.953.432.349</b>	<b>24.631.460.002</b>

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Phí nhãn hiệu (i)	14.997.492.513	3.446.694.242
Chi phí nhân công	4.582.933.782	2.914.852.732
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	611.727.273	1.354.328.824
Chi phí khác	2.371.020.688	244.059.758
	<b>22.563.174.256</b>	<b>7.959.935.556</b>

(i) Chi phí nhãn hiệu phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

**31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công	20.579.633.995	22.037.325.409
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	2.789.505.852	4.045.210.934
Chi phí khác	14.294.825.891	8.767.538.787
	<b>37.663.965.738</b>	<b>34.850.075.130</b>

**32. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	34.581.967.183	10.108.893.744
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	44.630.357.401	28.107.978.286
- Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.048.390.218	17.999.084.542
Các khoản khác	9.748.588.501	12.151.511.673
	<b>44.330.555.684</b>	<b>22.260.405.417</b>

**36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan:***

**Bên liên quan**

***Các công ty con***

Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương  
Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình  
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức  
Công ty Cổ phần Mai Linh Thanh Hóa  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc

***Các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh***

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh  
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam  
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ  
Công ty TNHH Deluxe Taxi  
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên  
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh  
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang  
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh  
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long  
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam

***Khác***

Ông Hồ Huy  
Ông Hồ Chương  
Nhóm công ty đồng chủ tịch (là những công ty do ông Hồ Huy, Hồ Chương làm chủ tịch, nhưng không thuộc đơn vị thành viên của Tập đoàn)

**Mối quan hệ**

Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con

Chủ sở hữu  
Cùng tập đoàn  
Cùng tập đoàn  
Cùng tập đoàn  
Công ty liên kết  
Cùng tập đoàn  
Cùng tập đoàn  
Cùng tập đoàn  
Cùng tập đoàn  
Cùng tập đoàn

Cổ đông  
Cổ đông  
Cùng chủ sở hữu



**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>20.643.706.452</b>	<b>136.782.427</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	12.345.964.063	136.782.427
Công ty Cổ phần Mai Linh Thanh Hóa	1.195.515.122	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	1.188.793.228	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	843.301.021	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	745.700.160	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	582.161.824	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	445.134.281	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	439.376.522	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	428.733.204	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	402.015.334	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	376.435.949	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	307.571.491	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	290.673.773	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh	279.669.710	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	266.653.072	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	266.334.043	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	239.673.655	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>423.180.939.024</b>	<b>388.719.872.551</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	279.061.522.437	312.160.260.310
Ông Hồ Chương	40.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	24.767.620.243	24.276.220.243
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.691.108.556	21.445.308.556
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	10.637.024.788	10.637.024.788
Ông Hồ Huy	7.493.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	6.227.315.422	8.713.022.939
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	5.200.953.700	-
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	4.983.833.034
Công ty Cổ phần Mai Linh Thanh Hóa	3.818.781.909	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	2.942.846.849	800.890.739
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	2.314.310.411	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	1.897.910.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	1.737.910.753	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	1.689.478.895	1.096.724.362
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	1.374.223.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	1.219.354.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	1.140.900.925	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	1.138.016.129	1.102.016.129
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	896.400.000	607.600.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	793.035.651	793.035.651
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	685.710.878	792.367.658
Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh	629.206.444	1.311.568.142
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	40.475.000	-
<b>Cho vay ngắn hạn</b>	<b>11.800.000.000</b>	<b>16.650.000.000</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	150.000.000	5.000.000.000
<b>Cho vay dài hạn</b>	<b>48.215.000.000</b>	<b>48.215.000.000</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>13.720.803.523</b>	<b>2.427.272.730</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	10.894.125.400	-
	2.400.000.000	2.427.272.730
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	426.678.123	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>58.827.225.083</b>	<b>63.763.070.008</b>
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	20.121.551.279	15.706.318.489
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	9.500.805.334	6.708.859.471
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	9.345.627.469	6.053.075.273
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	7.849.107.936	3.358.884.890
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	3.725.093.281	1.795.400.123
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	3.607.276.994	107.578.471
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	3.509.297.985	873.043.184
Công ty Cổ phần Mai Linh Thanh Hóa	487.292.705	15.391.146.216
Ông Hồ Chương	277.555.469	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	249.357.384	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	154.259.247	-
Công ty Cổ Phần Mai Linh Đông Đô	-	7.488.547.779
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	-	2.930.705.893
	-	2.427.272.730
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	-	922.237.489
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	-	
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>1.920.000.000</b>	<b>18.546.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	1.920.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	16.626.000.000
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>80.422.086.516</b>	<b>65.018.000.000</b>
Công ty Cổ phần Mai Linh Thanh Hóa	22.404.086.516	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	12.438.000.000	12.438.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh	8.080.000.000	8.080.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	3.000.000.000	3.000.000.000



*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>141.224.591.550</b>	<b>231.360.667.025</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	113.273.662.670	176.256.816.409
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	4.391.595.983	14.736.719.758
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	2.989.716.163	4.646.626.218
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	2.622.488.232	4.160.652.773
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	2.485.830.415	6.224.701.519
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	2.062.175.478	2.560.168.214
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	1.781.291.706	2.552.667.551
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	1.691.241.818	5.206.010.917
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	1.649.684.966	2.704.756.205
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	1.501.581.172	1.901.665.649
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	1.253.470.489	2.020.468.912
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	1.021.705.742	1.371.602.891
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	882.605.255	1.918.873.333
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	879.797.526	1.283.939.153
Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh	357.392.179	-
Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	854.484.052	1.842.174.903
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	819.355.404	967.665.483
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	706.512.300	1.005.157.137
<b>Mua hàng và dịch vụ cung cấp</b>	<b>155.750.891.622</b>	<b>17.204.951.133</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	143.372.030.714	14.212.195.965
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	7.979.690.391	949.760.992
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	2.245.921.045	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	858.863.322	1.820.236.670
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	396.187.331	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	365.391.930	222.757.506
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	246.176.571	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	122.146.500	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	93.027.727	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	71.456.091	-
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>28.899.605.000</b>	<b>24.630.907.372</b>
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	5.047.275.000	2.544.555.000
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	3.738.318.000	4.197.275.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	3.228.590.000	1.687.735.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	2.705.504.000	2.699.143.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	2.113.497.000	673.681.000
Công ty Cổ Phần Mai Linh Thủ Đức	2.014.854.000	2.153.614.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	1.994.173.000	1.563.117.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	1.874.101.000	618.207.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	1.826.078.000	368.994.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	904.717.000	1.255.787.000
Công ty Cổ Phần Mai Linh Hạ Long	639.673.000	2.328.726.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	491.400.000	491.400.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	445.561.000	87.296.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	421.796.000	229.333.333
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	393.673.000	182.501.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Hồ Huy	298.800.000	24.900.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	275.100.000	2.125.911.039
Công ty Cổ phần Vận tải Tắc hành Mai Linh	252.000.000	252.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	234.495.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	-	1.146.732.000

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>5.617.616.510</b>	<b>3.367.512.000</b>
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	1.963.053.510	482.400.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	1.080.000.000	905.800.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	484.000.000	512.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	528.000.000	501.200.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	321.600.000	268.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	298.512.000	298.512.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	268.459.000	238.800.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	241.200.000	160.800.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	241.200.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh	191.592.000	-

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	5.216.248.895	4.416.728.794
	<b>5.216.248.895</b>	<b>4.416.728.794</b>

  
**Nguyễn Thị Thanh Hương**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Thị Trường Anh**  
 Kế toán trưởng

  
**Hồ Quốc Phi**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2018